

**TCVN \*\*\*\*\*-4: 202\***

**BẢN VẼ XÂY DỰNG - KÝ HIỆU TRÊN BẢN VẼ  
CÁC CẤU KIỆN XÂY DỰNG**

*System of building design documents - Simplified representation on drawings -*

*Components in buildings*

**HÀ NỘI – 202\***

**Mục lục**

|                             | Trang |
|-----------------------------|-------|
| 1 Quy định chung .....      | 5     |
| 2 Cấu tạo của ký hiệu ..... | 5     |
| Phụ lục A .....             | 8     |

## Lời nói đầu

TCVN \*\*\*\*\*-4:202\* thay thế TCVN 5686:2012.

TCVN \*\*\*\*\*-4:202\* do Viện Kiến trúc Quốc gia biên soạn, Bộ Xây dựng đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

## **Bản vẽ xây dựng - Ký hiệu trên bản vẽ - Các cấu kiện xây dựng**

*System of building design documents - Simplified representation on drawings -*

*Components in buildings*

### **1 Quy định chung**

**1.1** Tiêu chuẩn này quy định ký hiệu quy ước bằng chữ và số các cấu kiện của kết cấu nhà và công trình trên các bản vẽ thiết kế (đặc biệt bản vẽ sơ đồ lắp đặt các cấu kiện bê tông cốt thép).

**1.2** Ngoài những quy định trong tiêu chuẩn này, phải tuân theo quy định khác thuộc hệ thống tài liệu thiết kế có liên quan.

### **2 Cấu tạo của ký hiệu**

#### **2.1 Ký hiệu quy ước gồm 4 nhóm**

Nhóm 1: gồm các chữ in hoa viết tên của cấu kiện.

|        |         |    |
|--------|---------|----|
| VÍ DỤ: | Móng:   | M  |
|        | Vì kèo: | VK |
|        | Khung:  | K  |

Bên cạnh chữ in hoa cho phép ghi thêm các chữ in thường hoặc chữ số để tránh trùng lặp và chỉ rõ loại cấu kiện.

|        |          |    |
|--------|----------|----|
| VÍ DỤ: | Dầm mái: | Dm |
|--------|----------|----|

CHÚ THÍCH: Ưu tiên sử dụng chữ in hoa

Nhóm 2: gồm các chữ in hoa để chỉ vật liệu dùng làm kết cấu.

|        |                       |        |
|--------|-----------------------|--------|
| VÍ DỤ: | Cột bê tông cốt thép: | C-BTCT |
|        | Cột gạch:             | C-GH   |
|        | Cột bê tông:          | C-BT   |
|        | Cột thép:             | C-T    |

Trường hợp là cấu kiện chịu lực chính của công trình làm bằng cùng một loại vật liệu chủ yếu thì trên ký hiệu cho các cấu kiện đó không cần phải ghi nhóm này.

Nhóm 3: gồm chữ số, chỉ vị trí tầng của cấu kiện, viết ngang hàng với nhóm 1. Đối với các kết cấu của công trình một tầng và các kết cấu móng không cần ghi nhóm này.

Nhóm 4: gồm số có hai chữ số, chỉ thứ tự cấu kiện, viết sau nhóm 3. Nhóm 4 được phân cách với nhóm 3 bằng dấu gạch ngang.

VÍ DỤ: Cột tầng 3 số 2: C3-02

## 2.2 Một số ký hiệu thông thường

Các ký hiệu thường dùng được quy định trong Bảng 1.

CHÚ THÍCH: Cách ghi ký hiệu tham khảo phụ lục A

**Bảng 1 - Một số ký hiệu thông thường**

| Tên kết cấu | Ký hiệu quy ước | Tên cấu kiện | Ký hiệu quy ước |
|-------------|-----------------|--------------|-----------------|
| Móng        | M               | Khung        | K               |
| Móng máy    | Mm              | Dầm          | D               |
| Bản móng    | Bm              | Dầm mái      | Dm              |
| Sườn móng   | Sm              | Vì kèo       | VK              |
| Dầm móng    | DM              | Tường        | T               |
| Cọc         | Cc              | Cầu thang    | CT              |
| Đài cọc     | Đc              | Dầm thang    | Dth             |

**Bảng 1(Kết thúc)**

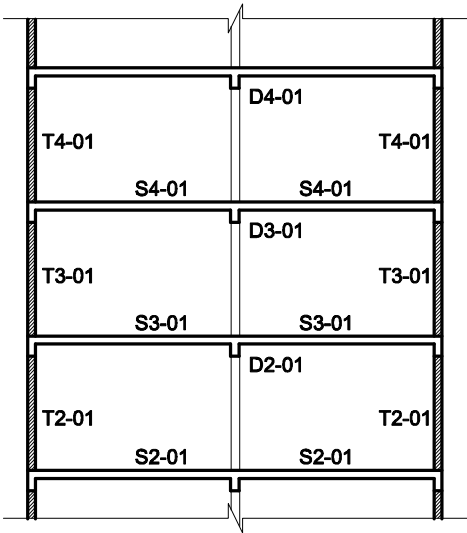
| <b>Tên kết cấu</b> | <b>Ký hiệu quy ước</b> | <b>Tên cấu kiện</b> | <b>Ký hiệu quy ước</b> |
|--------------------|------------------------|---------------------|------------------------|
| Giằng              | G                      | Lanh tô             | LT                     |
| Cột                | C                      | Vòm                 | V                      |
| Ô văng             | Ov                     | Máng nước           | MN                     |
| Ban công           | BC                     | Bể nước             | BN                     |
| Bản sàn            | S                      | Panen               | P                      |
|                    |                        | Panen mái           | Pm                     |
|                    |                        | Panen sàn           | Ps                     |
|                    |                        | Hố ga               | HG                     |
|                    |                        | Bể phốt             | BP                     |

Phụ lục A

(Tham khảo)

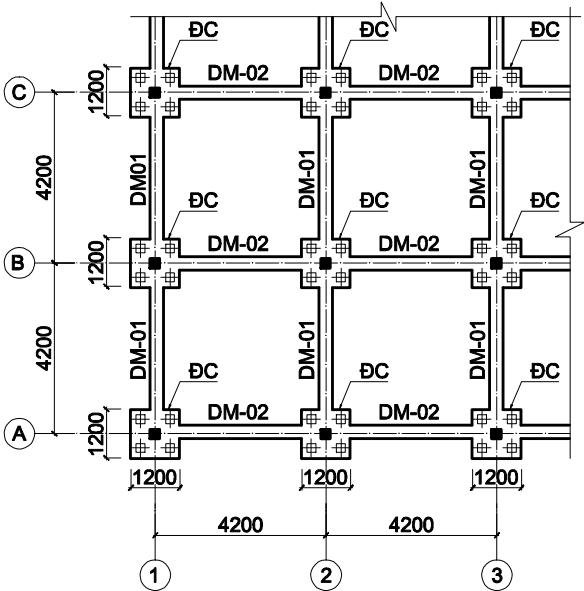
Cách ghi kí hiệu quy ước trên bản vẽ

A.1. Cách ghi kí hiệu quy ước các cấu kiện trên mặt cắt (Hình A.1)



Hình A.1 - Kí hiệu các cấu kiện trên mặt cắt

A.2. Cách ghi kí hiệu quy ước các cấu kiện trên mặt bằng (Hình A.2)



Hình A.2 - Mặt bằng móng

